

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DS-PT

Ngày: 05/4/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Thẩm phán: - Ông Trần Tuấn Quốc

- Ông Thiềm Quốc Khanh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 19/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Kim D**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (*Có mặt*).

- Bị đơn: bà **Trần Thị Phà C**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (*Vắng mặt*).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan: Ông **NLQ1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (*Có mặt*).

- *Người kháng cáo:* Người liên quan ông NLQ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Kim D trình bày như sau:

Vào ngày 01/12/2019 bà có cho bị đơn ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C vay số tiền 160.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi cá tra phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Việc vay tiền có làm tờ “Giấy vay tiền” lập ngày 01/12/2019, ông NLQ1 và bà C cùng ký tên vào. Từ khi vay đến nay bị đơn đã trả được số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng vào ngày 01/5/2020 (âl), nợ lãi không trả, hiện nay bị đơn còn nợ lại số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 10/12/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,67%/tháng số tiền lãi là 28.056.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2020 của đương sự ông NLQ1 trình bày như sau:

Ông và bà Trần Thị Phà C là vợ chồng với nhau. Ông không có vay tiền gì của bà Lê Kim D nhưng vợ ông là bà Phà C có vay tiền của bà D nhưng bà C vay bao nhiêu thì ông không biết. Hiện bà C đi làm ăn xa nhưng có liên lạc về nhà, ông có báo cho bà C biết việc bà D kiện tại Tòa án. Ông có biết việc bà C vay tiền bà D và có nghe bà D nói là bà C nợ số tiền 160.000.000 đồng nên ông có trả cho bà D 20.000.000 đồng. Bà C vay tiền làm gì thì ông không biết. Đối với tờ “Giấy vay tiền” lập ngày 01/12/2019 thì chữ ký bên vay bà Trần Thị Phà C là chữ ký của vợ ông, còn chữ ký chỗ người làm chứng NLQ1 (NLQ1) không phải là chữ ký của ông, ông không trực tiếp vay tiền của bà D. Hiện nay ông và bà C vẫn còn chung sống với nhau, hôn nhân vẫn còn tồn tại. Qua yêu cầu khởi kiện của bà D thì ông cũng đồng ý trả số nợ gốc là 140.000.000 cho bà D, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, còn các khoản lãi thì xin không trả do khi vay bà C không bàn bạc gì với ông.

Bị đơn bà Trần Thị Phà C đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn đồng thời vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C.

Buộc ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Kim D tổng số tiền nợ vay là 168.056.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi là 28.056.000 đồng.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả, tính trên số nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm,

Ngày 30/12/2020 bị đơn ông NLQ1 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung theo hướng ông NLQ1 không phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Kim D số tiền 168.056.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đòi bà Phà C và ông NLQ1 phải liên đới trả cho bà số tiền vốn, và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 168.056.000 đồng, trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi là 28.056.000 đồng.

- Về phía bị đơn Ông NLQ1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo là ông không phải bị đơn trong vụ kiện vì ông không trực tiếp vay tiền của nguyên đơn. Ông đồng ý trả số tiền nợ vốn 140.000.000 đồng cho nguyên đơn, nhưng xin được trả dần, và xin được bỏ tiền lãi.

- Bị đơn bà C tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông NLQ1 nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

- Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

+ Tại bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 đã thể hiện việc các đương sự cùng cư trú: ấp Phụng Thạnh, xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ; Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2020 nguyên đơn khởi kiện ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C nên bản án sơ thẩm xác định ông NLQ1 có tư cách là bị đơn trong bản án.

+ Việc ông NLQ1 thừa nhận “Giấy vay tiền” lập ngày 01/12/2019 chữ ký và tên người vay đúng là của vợ ông bà Trần Thị Phà C, nhưng ông cho rằng

ông không có ký tên trong “Giấy vay tiền” nên không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng bà C trả số nợ vay cho bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm ông đồng ý trả cho nguyên đơn tiền vốn và xin không trả tiền lãi. Xét thấy, số nợ này được vay trong thời kỳ hôn nhân giữa ông NLQ1 và bà C còn tồn tại, và ông NLQ1 có trình bày là ông có biết việc bà C vay tiền của bà D nên ông có trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng vốn. Hơn nữa, mục đích vay tiền này là để gia đình nuôi cá tra. Do đó, việc ông NLQ1 phải chịu trách nhiệm liên đới với bà C để trả số nợ vốn, lãi cho nguyên đơn là có cơ sở.

+ Tại “Giấy vay tiền” thể hiện số tiền vốn vay là 160.000.000 đồng, nguyên đơn xác định ông NLQ1 đã trả được 20.000.000 đồng vốn nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông NLQ1, bà C phải trả số vốn còn lại là 140.000.000 đồng là có căn cứ.

Việc nguyên đơn yêu cầu ông NLQ1, bà C còn phải trả khoản tiền lãi tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,67%/tháng, là phù hợp. Cụ thể số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12 tháng, số tiền lãi là: 28.065.000 đồng. Tổng số tiền vốn, lãi là 168.056.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông NLQ1. Giữ y bản án sơ thẩm. Buộc bà Phà C và ông NLQ1 phải liên đới trách nhiệm trả cho bà D số tiền vốn, lãi là 168.056.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2020 thì nguyên đơn bà Lê Kim D kiện vợ chồng ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C đòi số tiền vợ chồng ông NLQ1 bà C vay của nguyên đơn, vì vậy cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thụ lý giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Phà C đã được Tòa án triệu tập và thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông NLQ1

[2.1] Việc ông NLQ1 kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xác định tư cách của ông là bị đơn trong vụ kiện là sai, bản án không thể hiện nơi cư trú của nguyên đơn. Nhận thấy, tại bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 đã thể hiện việc các đương sự cùng cư trú: ấp Phụng Thạnh, xã Thạnh Tiên,

huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ; Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2020 thể hiện việc nguyên đơn khởi kiện ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C nên việc bản án sơ thẩm xác định ông NLQ1 có cùng tư cách là bị đơn với bà C trong bản án. Tuy nhiên, xét thấy ông NLQ1 không phải là người trực tiếp ký vay tiền của nguyên đơn, nên cần xác định lại tư cách của ông NLQ1 trong vụ kiện này là người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan.

[2.2] Việc ông NLQ1 kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ chung theo hướng ông NLQ1 không phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Kim D số tiền 168.056.000 đồng, lý do ông không có vay tiền của nguyên đơn bà D.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “*Giấy vay tiền*” ngày 01/12/2019 được ông NLQ1 xác nhận đúng là chữ ký của bà C nên việc bà C vay tiền của nguyên đơn bà D là có thật.

Xét nội dung “*Giấy vay tiền*” ngày 01/12/2019 thể hiện thông tin bên vay là ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C và thông tin bên cho vay là ông Nguyễn Văn Bình và bà Lê Thị Kim D, với số tiền vay là 160.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 01/12/2019, lãi suất là 2%/tháng.

Theo nguyên đơn trình bày do ông NLQ1 và bà C không thực hiện đúng như thỏa thuận, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông NLQ1 và bà C trả tiền nhưng đến nay ông NLQ1 chỉ trả được số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng. Do vậy, nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà C ông NLQ1 phải trả khoản tiền vay còn lại và khoản tiền lãi cho nguyên đơn.

Nhận thấy, trong nội dung “*Giấy vay tiền*” ngày 01/12/2019 tuy phần thông tin bên cho vay có tên ông Nguyễn Văn Bình nhưng phần ký và ghi tên bên cho vay chỉ thể hiện có chữ ký của bà D mà không có chữ ký và ghi tên của ông Bình nên việc bà D đứng đơn khởi kiện mà không có ông Bình cùng đứng đơn kiện là có cơ sở.

Xét đối với việc ký tên trong “*Giấy vay tiền*” trên thì tại phần bên vay chỉ có người vay ký và ghi tên là Trần Thị Phà C và người làm chứng thì có ký tên NLQ1 và ghi tên NLQ1 nhưng ông NLQ1 không thừa nhận chữ ký và ghi tên là của ông. Tuy nhiên, ông NLQ1 có trình bày là ông có biết việc bà C vay tiền của bà D, và thời điểm bà C vay tiền cho đến nay hôn nhân giữa ông bà vẫn tồn tại. Nhận thấy, mặc dù ông NLQ1 không thừa nhận trực tiếp vay tiền của nguyên

đơn, không thừa nhận có ký tên vào trong “Giấy vay tiền” ngày 01/12/2019 nhưng quá trình giải quyết vụ án ông cũng thừa nhận chữ ký trong “Giấy vay tiền” là của bà C, ông có biết việc vợ ông bà C vay tiền của nguyên đơn, và ông NLQ1 có trả được cho nguyên đơn số tiền vốn 20.000.000 đồng. Hơn nữa, mục đích vay số tiền này là để gia đình nuôi cá tra, số tiền vay này được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại giữa ông NLQ1 và bà C, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông NLQ1 phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà C trả số nợ cho nguyên đơn là có cơ sở.

Xét về số tiền bị đơn vay tiền của nguyên đơn là 160.000.000 đồng được thể hiện trong “Giấy vay tiền” ngày 01/12/2019 đã cung cấp cho Tòa án, phía nguyên đơn bà D xác nhận là ông NLQ1 có trả cho bà D được 20.000.000 đồng vốn, nên yêu cầu ông NLQ1, bà C phải trả số tiền vốn còn lại là 140.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm ông NLQ1 đồng ý trả số tiền vốn còn lại này cho bà D nên buộc ông NLQ1 và bà C có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tiếp tục đòi ông NLQ1, bà C phải trả cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10/12/2020), với lãi suất 1,67%/tháng, thời gian tính lãi là 12 tháng, số tiền là 28.056.000 đồng. Xét tại “Giấy vay tiền” thể hiện thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 01/12/2019 tính đến nay đã quá hạn thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông NLQ1, bà C phải trả tiền lãi theo mức lãi suất trên mà không yêu cầu tính mức lãi suất quá hạn được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (đối với thời gian quá hạn) là đã có lợi cho phía ông NLQ1, bà C. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và buộc ông NLQ1, bà C phải có trách nhiệm trả số tiền nợ lãi này cho nguyên đơn là thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn, tuy nhiên do nguyên đơn không có kháng cáo về phần tính lãi suất quá hạn nên Tòa án cấp phúc thẩm không điều chỉnh.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông NLQ1, buộc ông NLQ1 phải liên đới cùng bà C trả cho bà D số tiền nợ vay là 168.056.000 đồng (trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi là 28.056.000 đồng).

Ngoài ra cũng cần điều chỉnh lại về phân trách nhiệm của bị đơn và người liên quan về việc phải trả lãi tiếp theo cho nguyên đơn cho phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi

thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc buộc ông NLQ1 và bà C phải liên đới trách nhiệm hoàn trả tiền vốn, và lãi nêu trên cho bà D là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Kháng cáo của bị đơn ông NLQ1 không được chấp nhận nên ông NLQ1 và bà C phải liên đới trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.402.800 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo của ông NLQ1 không được chấp nhận nên ông NLQ1 phải chịu. Chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng mà ông NLQ1 đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu số 016604 ngày 05/01/2021 sang thành tiền án phí phúc thẩm. Ông NLQ1 đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông NLQ1. Giữ y bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C.

Buộc ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Kim D tổng số tiền nợ vay là 168.056.000 đồng (trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi là 28.056.000 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông NLQ1 và bà Trần Thị Phà C phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.402.800 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông NLQ1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng mà ông NLQ1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu số 016604 ngày 05/01/2021 sang thành tiền án phí phúc thẩm. Ông NLQ1 đã nộp xong.

Bà Lê Kim D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 016474 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND H. T;
- Chi cục THA DS H. T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trương Thị Liên